

DANH MỤC

(Kèm theo thư mời báo giá số: /BVĐKT-KD ngày tháng 10 năm 2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh)

STT	Danh mục	Mô tả về cấu hình tính năng thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
1	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Amoxicillin / clavulanic acid có hàm lượng 20/10µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
2	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Azithromycin có hàm lượng 15µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
3	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Ceftriaxone có hàm lượng 30µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
4	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Ciprofloxacin có hàm lượng 5µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
5	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Clindamycin có hàm lượng 2µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
6	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Sufamethoxazole / Trimethoprim có hàm lượng 23,75/1,25µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
7	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Chloramphenicol có hàm lượng 30µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
8	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Gentamicin có hàm lượng 10µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
9	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Levofloxacin có hàm lượng 5µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
10	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Linezolid có hàm lượng 30µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
11	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Meropenem có hàm lượng 10µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
12	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Ofloxacin có hàm lượng 5µg. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
13	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Penicillin có hàm lượng 10UI. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ

STT	Danh mục	Mô tả về cấu hình tính năng thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng	Đơn vị tính
14	Khoanh giấy kháng sinh	Đĩa giấy kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 x 21mm, phía đáy lọ chứa chất chống ẩm. Tetracycline có hàm lượng 30 μ g. Đạt tiêu chuẩn ISO	2	Lọ
15	MÔI TRƯỜNG BỘT	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập vi khuẩn gây nhiễm trùng tiêu. Thành phần: Chromogenic mix (24mg), peptone, yeast and extract (0,4g), Agar (0,36g), nước cất (24ml)	300	Cái
16	Môi trường nuôi cấy	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt được 3 kiểu hình tiêu huyết (α , β , γ) của Streptococcus. Thành phần: Columbia agar, Máu cừu (1,6ml), Pepton (0,552g), Corn starch (24mg), Sodium Chloride (0,12g), agar (0,36g), nước cất (24ml)	300	Cái
17	MÔI TRƯỜNG BỘT	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc. Thành phần: Beef extract (48mg), Acid hydrolysate of Casein (0,42g), Starch (36mg), Agar (0,4g), nước cất (24ml)	500	Cái
18	Môi trường nuôi cấy	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ Streptococcus. Thành phần: Beef extract (48mg), Acid hydrolysate of Casein (0,42g), Starch (36mg), Máu cừu (1,6ml), Agar (0,4g), nước cất (24ml)	100	Cái
19	Môi trường nuôi cấy	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường thực hiện kháng sinh đồ vi khuẩn dễ mọc. Thành phần: Beef extract (48mg), Acid hydrolysate of Casein (0,42g), Starch (36mg), Agar (0,4g), máu ngựa 1,6ml, nước cất (24ml)	100	Cái
20	Môi trường nuôi cấy	Môi trường đồ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc. Thành phần: Columbia agar, Máu ngựa (1,6ml), Peptone (0,552g), Corn starch (24mg), Sodium Chloride (0,12g), Agar (0,36g), nước cất (24ml)	200	Cái
21	Dung dịch nhuộm	Bộ gồm 4 chai 100ml: Crystal violet, Lugol, Safranin, Alcool. Bộ thuốc nhuộm GRAM dùng để nhuộm vi khuẩn.	5	Bộ
22	Dung dịch nhuộm	Bộ 3 chai 100ml: Carbo fushin, Acid Alcool, Methylen blue. Bộ thuốc nhuộm ZIEHL-NEELSEN dùng để nhuộm các vi khuẩn kháng acid như Mycobacteria	5	Bộ
23	Dung dịch nhuộm	Chai nhựa có dung tích 500ml chứa Safranin. Dùng để nhuộm vi khuẩn.	2	Chai
Tổng cộng 23 mặt hàng				